



CHÍNH SÁCH TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TRÊN BÁO CHÍ TỪ VIỆC THIẾT LẬP CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẾN PHẢN BIỆN XÃ HỘI

Hoàng Lê Thúy Nga

¹Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: **Hoàng Lê Thúy Nga** <hoanglethuynga@husc.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 13-05-2024; Ngày chấp nhận đăng: 27-08-2024)

Tóm tắt. Nghiên cứu này đã áp dụng phương pháp phân tích dữ liệu định tính và lượng hoá nội dung từ 459 tin, bài trên 03 tờ báo gồm Giáo dục và Thời đại online (GDTĐO), tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam (GDVN), báo Dân Trí từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2020. Trên cơ sở dữ liệu, vận dụng lý thuyết *thiết lập chương trình nghị sự* và *chức năng phản biện xã hội*, bài viết phân tích thông điệp, nội dung chính sách tự chủ đại học được các báo đưa tin nổi bật, thảo luận và phản biện. Từ đó, nghiên cứu đặt ra một số vấn đề, khuyến nghị về giải pháp nâng cao chất lượng truyền thông chính sách về tự chủ đại học trên báo chí.

Từ khoá: Tự chủ đại học, giáo dục đại học, chính sách, truyền thông chính sách

UNIVERSITY AUTONOMY POLICY IN THE PRESS: FROM AGENDA SETTING TO SOCIAL CRITICISM

Hoang Le Thuy Nga

¹University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

* Correspondence to **Hoang Le Thuy Nga** <hoanglethuynga@husc.edu.vn>

(Received: May 13, 2024; Accepted: August 27, 2024)

Abstract. This study utilizes qualitative data analysis and content quantification of 459 news articles from three newspapers: Education and Times Online (GDTĐO), Vietnam Education electronic magazine (GDVN), and Dan Tri newspaper, spanning from July 2017 to December 2020. Drawing upon agenda-setting theory and the function of social criticism, the paper examines the message and

content surrounding the university autonomy policies as reported, discussed, and critiqued by these newspapers. Through this analysis, the study identifies various issues and offers recommendations to enhance the quality of policy communication regarding university autonomy in the press.

Keywords: University autonomy, higher education, policy, policy communication

1. Dẫn nhập

Chính sách tự chủ đại học là một trong những chính sách lớn của giáo dục đại học (GDĐH). Kể từ khi chủ trương tự chủ đại học được phổ biến rộng rãi trong xã hội, quá trình truyền thông chính sách này ngày càng được chú trọng. Nhiều hội thảo, diễn đàn trong đó có cả báo chí đã đăng tải nhiều bài viết về tự chủ đại học.

Báo chí đóng vai trò quan trọng trong truyền thông chính sách tự chủ đại học. Báo chí không chỉ giới thiệu, phổ biến chính sách mà còn là diễn đàn để xã hội bàn luận, đối thoại. Báo chí tham gia vào quy trình chính sách tự chủ đại học từ hoạch định, soạn thảo, hoàn thiện đến thực thi, đánh giá. Báo chí là kênh trung gian giữa chủ thể ban hành chính sách và đối tượng thụ hưởng chính sách. Thông qua báo chí, các cá nhân, tổ chức hiểu biết chính sách để xây dựng, góp ý, phản biện đồng thời thực thi chính sách. Các nhà quản lý “lắng nghe” thông tin phản ánh từ báo chí để xây dựng, điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn. Vì vậy, báo chí tham gia thiết lập chương trình nghị sự và phản biện một mặt đảm bảo cho sự thành công, mặt khác giúp chính sách ngày càng hoàn thiện, góp phần tạo đồng thuận trong thực thi chính sách.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Chính sách tự chủ đại học

Ở Việt Nam, tự chủ đại học là chính sách lớn của Đảng, Nhà nước. “Tự chủ đại học là xu thế phát triển trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục” [9]. Việt Nam quyết tâm triển khai tự chủ đại học [12]. Nội dung tự chủ đại học đã được đề cập từ năm 1998, Điều 55 của Luật Giáo dục đã quy định về quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường Cao đẳng, trường Đại học [13]. Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ có đề cập đến vấn đề quyền tự chủ đại học [16].

Năm 2005, Luật giáo dục (sửa đổi) đã xác lập một bước chuyển quan trọng trong việc thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH [14]. Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 12/11/2005 của Chính phủ về Đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo Việt Nam [2], Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ tiếp tục quy định rõ hơn về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ sở đại học công lập đã được giao quyền tự chủ về nhiệm vụ, tổ

chức bộ máy và tài chính [3].

Năm 2012, với việc ban hành luật GDĐH, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GDĐH được tái khẳng định với tinh thần đổi mới mạnh mẽ về tư duy trong quản trị đại học. Nghị quyết 29 BCH Trung ương ngày 04/11/2013 nêu rõ: “Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường” [1]. Riêng về giao quyền tự chủ cho các trường đại học, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017 trong các lĩnh vực: Tự chủ về đào tạo và nghiên cứu khoa học (tự chủ về học thuật); tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự; tự chủ về tài chính [4]. Tiếp theo, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 được ban hành, quy định đầy đủ về tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập [5].

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật GDĐH (Luật 34) được Quốc hội ban hành ngày 19/11/2018 đã mở rộng quyền tự chủ cho các trường đại học [14]. Sau đó Nghị định 99/2019/NĐ-CP được ban hành ngày 30/12/2019 [6] gồm 20 điều quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH, trong đó nói rõ về tự chủ trong các hoạt động chuyên môn, tổ chức và nhân sự, tài chính tài sản.

Những văn bản trên là cơ sở pháp lý để các cơ sở GDĐH đẩy nhanh quá trình tự chủ đại học. Nội dung cốt lõi, trọng tâm của chính sách tự chủ đại học như sau:

Thứ nhất, khái niệm quyền tự chủ đại học đã được giải thích “Quyền tự chủ là quyền của cơ sở GDĐH được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu, tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở GDĐH”; *Thứ hai*, điều kiện thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH gồm: (i) Đã thành lập hội đồng trường, hội đồng đại học, (ii) Đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở GDĐH bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp, (iii) Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động, quy trình quy định quản lý nội bộ khác (iv) Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình; (v) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm; *Thứ ba*, nội dung quyền tự chủ đại học được quy định gồm: tự chủ trong hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản; *Thứ tư*, quyền tự chủ đại học phải gắn liền với trách nhiệm giải trình; *Thứ năm*, tự chủ đại học song hành với đổi mới tư duy quản lý nhà nước về GDĐH. Nhà nước không can thiệp sâu vào hoạt động của các cơ sở GDĐH mà chỉ xây dựng khung pháp lý, quy hoạch, đề ra chính sách, kế hoạch, ban hành các chuẩn, tiêu chuẩn và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện, xử lý vi phạm pháp luật về GDĐH; *Thứ sáu*, thay đổi phương thức quản lý nhà nước và quản

trị đại học. Đối với một cơ sở GDĐH công lập tự chủ, việc quản trị và quản lý tồn tại 02 dạng thiết chế: (i) Thiết chế hội đồng, đứng đầu là Chủ tịch quản trị theo thiết chế tập thể hội đồng, ra quyết định bởi tập thể hội đồng (Chức năng Hội đồng trường); (ii) Thiết chế điều hành, đứng đầu là Hiệu trưởng, ra các quyết định quản lý cụ thể, quản lý theo thiết chế hành chính (Chức năng Ban giám hiệu). Cơ chế hội đồng vận hành bên cạnh cơ chế hành chính có giá trị phòng ngừa các yếu tố cá nhân hay “lợi ích nhóm”. Để các thiết chế, tổ chức của nhà trường phối hợp tốt trong việc lãnh đạo và triển khai các nhiệm vụ, Đảng lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường theo thể chế chính trị của Việt Nam.

2.2. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự

Một vấn đề nào đó trong xã hội, tại sao được xem là quan trọng và được làm nổi bật trong khi số còn lại là không? Đây là nội dung cốt lõi mà lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự giải quyết. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự được đề xướng bởi Max McCombs và Donald Shaw. Trước đó, vào năm 1963, Bernard Cohen đã bày tỏ ý tưởng mà sau này dẫn đến việc chính thức ra đời lý thuyết này. Từ những quan sát của mình, ông cho rằng: báo chí có thể không thành công trong việc áp đặt công chúng nghĩ gì nhưng nó hoàn toàn có thể tác động đến điều mà họ suy nghĩ. Đến năm 1972, lý thuyết về thiết lập chương trình nghị sự được Max McCombs và Donald Shaw đề xướng từ cuộc nghiên cứu về cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 1968. Bằng cách so sánh những vấn đề nổi bật trong nội dung tin tức trên báo chí và những vấn đề bầu cử được công chúng quan tâm nhất, hai nhà khoa học này đã xác định mức độ tác động vào dư luận của các phương tiện truyền thông đại chúng. Họ kết luận rằng, phương tiện truyền thông đại chúng chính là nơi “thiết lập chương trình nghị sự”, nghĩa là xác định trật tự những vấn đề để công chúng chú ý theo dõi [8]. McCombs và Shaw chứng minh rằng, truyền thông không nói cho công chúng thái độ hoặc chính kiến mà công chúng nên có về sự kiện truyền thông đưa tin; nhưng bằng việc đưa tin nhiều về một vấn đề, thì truyền thông nói cho công chúng những vấn đề nào là quan trọng và nên quan tâm [11].

Cốt lõi của lý thuyết được khái quát ở 2 nội dung. Một là, những gì xảy ra trong đời sống được phản ánh trên các phương tiện truyền thông không phải được phản ánh toàn bộ theo kiểu “soi gương” mà có sự chọn lọc. Hai là, các phương tiện truyền thông đại chúng có khả năng tập trung vào một vấn đề, dẫn dắt công chúng, khiến họ phải chú ý và cảm nhận vấn đề đó quan trọng hơn những vấn đề khác.

2.3. Phản biện xã hội

Có nhiều ý kiến khác nhau khi đề cập đến phản biện xã hội. Tuy nhiên, điểm thống nhất đáng lưu ý đó là phản biện xã hội chính là một quá trình phản biện mang tính chất xã hội, nằm

trong phạm vi xã hội. Vì vậy, nó không chỉ là một công trình nghiên cứu khoa học, mà còn tham gia vào những sự kiện, vấn đề của toàn xã hội.

Phan Văn Kiên (2012) cho rằng: “Phản biện xã hội là phản biện với những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người... Phản biện xã hội được hình thành và phát triển trên cơ sở đa nguyên ý kiến về một vấn đề, một hiện tượng trong xã hội có liên quan mật thiết đến đời sống con người. Mục đích cuối cùng của phản biện xã hội là nhằm tạo ra một xã hội dân chủ cao” [10].

Quá trình phản biện xã hội là quá trình thảo luận. Quá trình này có thể xung đột giữa các luồng ý kiến phản biện nhưng là xung đột trong tranh luận do khác biệt nhận thức và do đó thảo luận xã hội để giảm dần khác biệt, tạo đồng thuận xã hội. Theo Nguyễn Văn Dũng (2017) thì cơ chế báo chí phản biện xã hội có thể có những thời điểm rất cần thiết như khởi thảo, bàn luận, thiết kế chính sách (chủ trương, chính sách, quyết sách, dự án, đề án lớn,...) sau đó đến phản biện xã hội từ cuộc sống trong quá trình thực thi chính sách [7].

Nguyễn Văn Dũng kết luận “Phản biện xã hội là quá trình huy động nguồn lực trí tuệ, tinh thần và cảm xúc của nhân dân, trước hết là thông qua việc khơi dậy nguồn lực trí tuệ trong xã hội, thể hiện sức mạnh dư luận xã hội vào việc khẳng định những cái tốt, cái hay, cái có lợi cho cộng đồng vì sự phát triển bền vững của đất nước trong các quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước; đồng thời chỉ ra những hạn chế, khiếm khuyết, thậm chí sai lầm hay sự lợi dụng và lạm dụng quyền lực, nhằm mưu lợi cá nhân hoặc vì lợi ích nhóm” [7].

Dù quan niệm về phản biện xã hội có khác nhau, nhưng những cách hiểu trên có ba điểm chung. *Thứ nhất*, phản biện là sự đánh giá dựa trên lập luận chặt chẽ, có cơ sở khoa học rõ ràng. *Thứ hai*, phản biện là việc đưa ra ý kiến đối với những vấn đề, sự kiện trong cuộc sống, nhằm làm cho chúng trở nên đúng đắn và phù hợp hơn. *Thứ ba*, phản biện phải được xây dựng trên tinh thần góp ý tích cực, mục đích cuối cùng là xây dựng, hoàn thiện cái chưa tốt, cái chưa đúng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bằng việc sử dụng phương pháp phân tích nội dung định tính kết hợp với định lượng các tác phẩm báo chí trên 03 tờ báo điện tử, tác giả chỉ ra những nội dung chính sách tự chủ đại học được làm nổi bật và phản biện. Để thực hiện mục đích này, tác giả vận dụng lý thuyết *Thiết lập chương trình nghị sự* và *Chức năng phản biện xã hội của báo chí*.

Cụ thể là tác giả xem xét những thông điệp, nội dung chính nào được các báo lựa chọn, thường xuyên nhắc tới và làm nổi bật, khiến công chúng nhận thấy tầm quan trọng. Để làm rõ vấn đề nghiên cứu này, tác giả phân tích nội dung chính sách tự chủ đại học được đăng tải ở 03

tờ báo. Đồng thời, từ góc nhìn của chức năng phản biện xã hội, tác giả xem xét nội dung và cách thức phản biện chính sách tự chủ đại học trên các báo được khảo sát.

Dữ liệu khảo sát là tin, bài trên báo Giáo dục và Thời đại online (GDTĐO), tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam (GDVN) và báo Dân Trí từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2020.

Các từ khóa được sử dụng để tìm kiếm là: đại học, giáo dục đại học, chính sách, Luật giáo dục đại học, tự chủ đại học, quy hoạch mạng lưới giáo dục đại học, phân tầng, xếp hạng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, giảng viên, Giáo sư, Phó giáo sư, kiểm định chất lượng, miễn học phí, tín dụng sinh viên,... Ngoài ra, tác giả còn rà soát các trang, mục, tiểu mục liên quan đến giáo dục đại học trên 3 tờ báo đó, kết hợp với việc sàng lọc tin, bài không thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài. Kết quả khảo sát gồm 782 tin, bài truyền thông về chính sách giáo dục đại học. Trong 782 tin, bài, tác giả tiếp tục lựa chọn các bài viết bàn về tự chủ đại học. Kết quả sàng lọc còn lại là 459 tác phẩm báo chí.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Một số nội dung chính sách tự chủ đại học được thiết lập nghị sự trên báo chí

Những phát hiện của nghiên cứu này qua việc khảo sát và phân tích tác phẩm báo chí cho thấy có ba nội dung được làm nổi bật và đăng tải nhiều. *Một là*, thông tin về chủ trương tự chủ đại học và khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học tự chủ. *Hai là*, thông tin về khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện tự chủ đại học. *Ba là*, thông tin định hướng các cơ sở GDĐH không nên quá chú trọng vào tự chủ tài chính.

4.1.1. Thông tin về chủ trương tự chủ đại học và khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học tự chủ

Như đã trình bày ở mục 2.1, chủ trương, chính sách về tự chủ của Đảng và Nhà nước ta bắt đầu từ khá sớm. Nhưng đến khi Thủ tướng ban hành Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về việc thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2015 thì mới mở ra trang mới cho GDĐH khi thực hiện tự chủ. Lúc này bắt đầu có những cơ sở GDĐH đầu tiên thí điểm tự chủ. Đến hết năm 2017, có 23 trường công lập được Chính phủ phê duyệt đề án cho phép thí điểm cơ chế tự chủ, cam kết tự bảo đảm kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư. Sau đó, Chính phủ cho phép 23 trường được kéo dài thời gian thí điểm sau giai đoạn 2014-2017.

Ở giai đoạn này, báo chí tập trung truyền thông cho chủ trương này. Nhiều bài viết trên báo GDTĐO, Dân trí, tạp chí GDVN cho thấy quyết tâm của Nhà nước về việc khuyến khích các cơ sở GDĐH “thoát khỏi bầu sữa mẹ” để tự chủ. Thông điệp được đăng đi đăng lại nhiều lần và tác động vào nhận thức về tự chủ đại học là: *Tự chủ đại học là: “đòn bẩy để nâng cao chất lượng”, “bước chuyển mang tính lịch sử”, “đoàn tàu đã nổ máy”, “con đường tắt yếu”, “con đường một chiều không thể quay lại”, “sứ mệnh của đổi mới giáo dục”, “là sứ mệnh sáng tạo*

tri thức”, “Tự chủ đại học mà nửa vời thì không được”,... Đáng chú ý, trong bài viết “*Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam: “Giáo dục đại học như đoàn tàu đã nổ máy”*” (Dân trí, 17/8/2018) đã có đoạn “Tôi tin rằng, giáo dục đại học của chúng ta trước đây như một đoàn tàu-quả một số năm rất gian khổ chúng ta đã hò nhau xúm vào đẩy được máy đã nổ rồi”.

Giá trị cốt lõi và ưu việt của chính sách này được đại đa số ý kiến đồng thuận. Đó là ý kiến của cán bộ tham gia soạn thảo chính sách, quyết định chính sách, các chuyên gia, nhà khoa học, lãnh đạo của các đại học, trường đại học, học viện. Có 20 ý kiến đồng tình rằng *tự chủ là thuộc tính của trường đại học, tự chủ là xu thế và bước đột phá của các trường đại học, mang đến nhiều cơ hội, do vậy, nhà nước khuyến khích các trường tự chủ và sẵn sàng tự chủ*.

Khi nói về bước tiến của tự chủ đại học, Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam từng cho rằng “Thành quả đáng ghi nhận đó là chất lượng GDĐH được nâng lên rõ rệt khi chúng ta có nhiều trường đại học nằm trong топ 1.000 trường đại học hàng đầu thế giới. GDĐH Việt Nam từ chỗ đứng ngoài vị trí 100 và không được xếp hạng trên thế giới thì đến nay ở nhiều bảng xếp hạng khác nhau, đứng ở vị trí khoảng thứ 70” (Bài “*Tự chủ đại học: Bước chuyển mang tính lịch sử*”, GDTĐO, 27/11/2020).

4.1.2. Thông tin về khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện tự chủ đại học

Mặc dù tự chủ đại học đã mang lại kết quả tốt cho một số cơ sở GDĐH, nhưng bên cạnh đó còn tồn tại thực trạng là “các trường thí điểm tự chủ hiện đang đứng chơi voi, bản khoản không biết tiếp tục tiến tới hay dừng lại và lùi”¹.

Có 15 ý kiến cho rằng quá trình tự chủ đại học vẫn có một số khó khăn, bất cập. Phần lớn là ý kiến của đại diện lãnh đạo 23 cơ sở GDĐH thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014.

Dưới góc nhìn của lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự, có thể thấy các báo tập trung nhấn mạnh nguyên nhân về sự chông chéo, thiếu đồng bộ của các văn bản pháp luật gây cản trở quá trình tự chủ. Với nhận định đây là “điểm nghẽn”, các báo phản ánh sự chưa thống nhất về một vài nội dung liên quan giữa Luật Giáo dục đại học với một số văn bản luật khác như: Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... dẫn đến những khó khăn, vướng mắc cho các trường trong quá trình thực hiện đẩy mạnh tự chủ. Trong khi đó, các cơ sở GDĐH vẫn phải tuân thủ theo Luật Giáo dục đại học. Hơn nữa, một số quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành liên quan cũng tạo ra các rào cản cho quá trình tự chủ của cơ sở GDĐH. Phương thức quản lý của cơ quan cấp trên vẫn chưa kịp thời thay đổi,

¹ <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/cac-truong-tu-chu-dai-hoc-dang-dung-choi-voi-20211214131625420.htm>.

quản lý nhà nước theo quan điểm tự chủ còn hạn chế.

Về trò ngại này, cán bộ lãnh đạo của Chính phủ cũng đồng tình về sự chông chéo các văn bản pháp luật khiến cho quá trình thực hiện tự chủ đại học của một số cơ sở GDĐH gặp phải không ít khó khăn.

4.1.3. Thông tin định hướng cơ sở giáo dục đại học không nên quá chú trọng vào tự chủ tài chính

Đối với chính sách tự chủ đại học, tự chủ tài chính nhanh chóng trở thành khía cạnh được nhà nước và lãnh đạo các trường quan tâm trước tiên và nhiều nhất. Tự chủ đại học gần như được hiểu là tự chủ tài chính. Thậm chí, sai lầm trong quan niệm khi hiểu tự chủ đại học là tự lo về mặt tài chính, vì vậy cơ sở GDĐH quá đặt nặng vấn đề học phí. Trên thực tế, vấn đề tài chính là rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của trường đại học tự chủ. Tuy nhiên, điều đáng nói là sự tập trung vào khía cạnh tài chính đang ở mức cực đoan.

Qua khảo sát, có 12 ý kiến cho rằng nên ưu tiên tự chủ tài chính, 14 ý kiến dung hoà, không tỏ rõ quan điểm. Kết quả phân tích dữ liệu định tính cũng cho thấy, các báo đã nhấn mạnh các nội dung dưới đây:

(1) Nhiều lãnh đạo, giảng viên vẫn quan niệm vấn đề cốt lõi, căn bản nhất của tự chủ đại học là tài chính. Nguồn tài chính gần như đặt lên vai người học, trong khi khả năng chi trả của người học chưa cao nên các trường phần lớn gặp khó khăn về quyết định nâng mức học phí.

(2) Nhiều người hiểu tự chủ là tự lo về tài chính, tự chủ đại học đồng nghĩa với việc nhà nước cắt chỉ thường xuyên và giảm kinh phí đầu tư. Nghĩa là sai lầm trong cách hiểu là phải đánh đổi giữa “hy sinh” kinh phí cấp phát để lấy quyền tự quyết trên một vài lĩnh vực nào đó do nhà nước giao.

Để góp phần chỉ ra những sai lầm trong cách hiểu về tự chủ đại học, các bài viết trên cả 03 tờ báo đăng tải ý kiến chuyên gia, nhà lãnh đạo, đại biểu quốc hội,... để giải thích cho công chúng hiểu rõ vấn đề. Thông tin được thiết lập và “đóng khung” trên các báo, mong muốn tác động đến nhận thức của công chúng là:

(1) Tự chủ không phải là cắt bỏ toàn bộ kinh phí nhà nước mà là “cởi trói” về mặt cơ chế, chuyển sang hình thức đặt hàng cho các cơ sở GDĐH.

(2) Không nên hiểu Nhà nước giao quyền tự chủ cho các trường là muốn làm gì thì làm; tự chủ không có nghĩa là không ai quản lý.

(3) Tự chủ về tài chính là nhằm tạo cơ chế sử dụng có hiệu quả cao các nguồn lực, đồng thời tạo khả năng thu hút thêm các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, có thể tạo sự liên kết với các tổ chức kinh tế, khoa học cùng tham gia vào việc đào tạo và nghiên cứu khoa học.

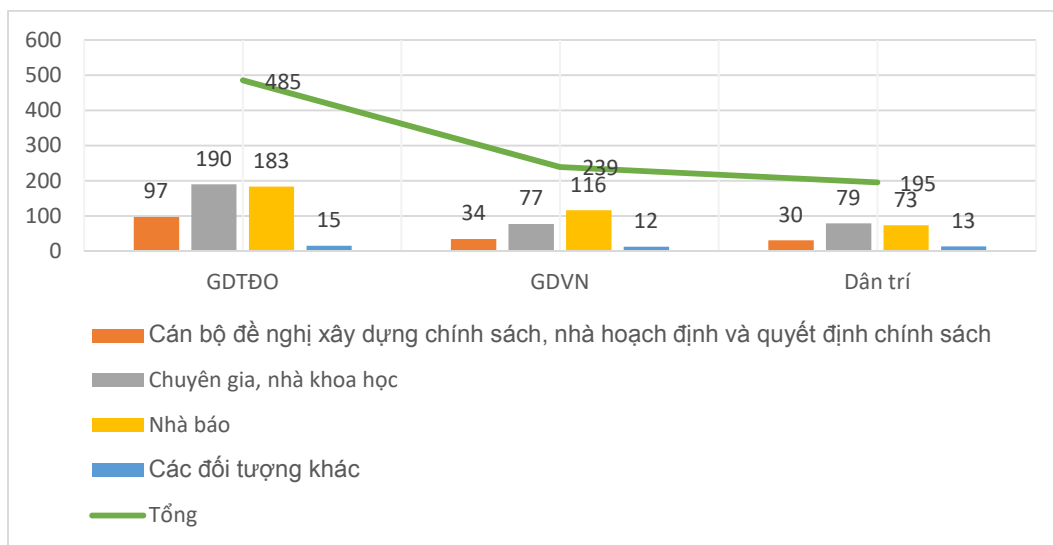
Những thông tin định hướng ở trên góp phần giúp công chúng nhận thức đúng vấn đề, đồng thời đề cao vai trò tự chủ gắn với học thuật, chuyên môn.

4.2. Phản biện xã hội về quá trình thực hiện tự chủ đại học

Phản biện xã hội trên báo chí gồm hai dạng. *Dạng thứ nhất* là phản biện xã hội của báo chí. Đó là quan điểm của các nhà báo hoặc tòa soạn. *Dạng thứ hai* là phản biện xã hội qua báo chí. Chủ thể phản biện là các chuyên gia, nhà khoa học, người dân. Kết quả khảo sát và phân tích nội dung cho thấy, 03 tờ báo đều đăng tải ý kiến của một số chủ thể chính của quá trình chính sách. Nội dung phản biện được tranh luận nhiều nhất, nổi bật tập trung ở hai chủ đề. *Chủ đề thứ nhất* bàn về mối quan hệ giữa cơ quan chủ quản đối với cơ sở GDĐH. *Chủ đề thứ hai* bàn về mối quan hệ 3 bên giữa Đảng ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng trường.

4.2.1. Chủ thể tham gia phản biện xã hội về chính sách tự chủ đại học

Để nghiên cứu nội dung và cách thức phản biện xã hội của các chủ thể chính sách, tác giả phân loại và mã hoá 04 chủ thể như sau: CT1 – Nhóm cán bộ đề nghị xây dựng chính sách, nhà hoạch định và quyết định chính sách; CT2 – Chuyên gia, nhà khoa học; CT3 – Nhà báo; CT4 – Các đối tượng khác. Số lần chủ thể tham gia phản biện là CT1 (161), CT2 (346), CT3 (372), CT4 (40). Kết quả cụ thể của từng chủ thể tham gia phản biện xã hội trên các báo được thể hiện bằng biểu đồ và bảng dưới đây:



Hình 1: Biểu đồ định lượng số lần chủ thể tham gia phản biện xã hội chính sách tự chủ đại học (Khảo sát các tin, bài trên 03 tờ báo từ 7/2017 đến 12/2020)

Các mức độ, biểu hiện của ý kiến thể hiện như sau:

Bảng 1. Định lượng ý kiến của các chủ thể về chính sách tự chủ đại học

Chủ thể	Báo	Chỉ đạo/ Thông báo	Nhận định/ Phân tích	Giải thích /Phản hồi	Góp ý/ Đề xuất	Đồng tình	Không đồng tình	Chỉ thông tin và trung lập ý kiến	Tổng
CT 1	GDTĐ	35	30	2	90	40	0	0	197
	GDVN	18	27	9	18	4	1	0	77
	DT	10	25	14	17	1	0	0	67
Tổng cộng		63	82	25	125	45	1	0	341
CT 2	GDTĐ	0	65	1	145	120	0	1	332
	GDVN	7	90	2	95	23	24	0	241
	DT	2	80	4	75	10	4	0	175
Tổng cộng		9	235	7	315	153	28	1	748
CT3	GDTĐ	0	0	5	0	0	0	225	230
	GDVN	0	2	1	0	0	0	120	123
	DT	0	5	1	0	1	0	95	102
Tổng cộng		0	7	7	0	1	0	440	455
CT4	GDTĐ	0	2	1	7	5	0	0	15
	GDVN	0	15	1	3	3	1	0	23
	DT	0	13	0	7	1	2	0	23
Tổng cộng		0	30	2	17	9	3	0	61
CT1: Cán bộ đề nghị xây dựng chính sách, nhà hoạch định và quyết định chính sách									
CT2: Chuyên gia									
CT3: Nhà báo									
CT4: Đối tượng khác									

Dữ liệu trên phản ánh mấy điểm đáng lưu ý:

Thứ nhất, các chủ thể phản biện thể hiện nhiều quan điểm khác nhau khi trình bày ý kiến. Họ không chỉ đồng tình hoặc không đồng tình mà còn góp ý, đề xuất. Có chủ thể vừa thông báo vừa giải thích chính sách kết hợp với đề xuất. Kết quả khảo sát và thống kê cho thấy, CT1 với 161 lần xuất hiện thì họ thể hiện 341 ý kiến. CT2 với 346 lần xuất hiện thì thể hiện 748 ý kiến. CT3 với 372 lần xuất hiện thì thể hiện 455 ý kiến. CT4 với 40 lần xuất hiện thể hiện 61 ý kiến.

Thứ hai, những phát hiện từ việc phân tích dữ liệu định tính cho thấy cách thức phản biện của 04 nhóm đối tượng là khác nhau.

Những nhà hoạch định chính sách (CT1) vừa có ý kiến chỉ đạo, thông báo nội dung chính sách, vừa phân tích, góp ý, đề xuất chính sách triển khai trong xã hội. Bên cạnh đó, họ cũng thể hiện quan điểm về quyết tâm chính trị để điều chỉnh và ban hành chính sách.

Các chuyên gia, nhà khoa học (CT2) có chuyên môn, có kiến thức, thậm chí có người làm công tác quản lý. Do vậy, họ có cơ sở dữ liệu khoa học để nhận định, phân tích, đồng thời góp ý, đề xuất cho những nhà hoạch định chính sách. Nhóm này có những phản biện trái chiều, bao gồm cả ý kiến không đồng ý. Trong số đó, đại diện các trường đại học, các chuyên gia, nhà khoa học là những người có tần suất tham gia ý kiến nhiều, chủ yếu là đóng góp, chỉ ra lỗ hổng của chính sách và nêu giải pháp hoàn thiện chính sách.

Nhà báo (CT3) chủ yếu thể hiện thái độ trung lập, đưa tin.

Nhóm CT4 là học sinh, sinh viên, phụ huynh... Bên cạnh những nhận định, đa số họ đồng tình, góp ý trong quá trình thực thi chính sách.

4.2.2. Góc nhìn khác nhau về mối quan hệ giữa cơ quan chủ quản đối với cơ sở GDĐH

Những thảo luận xoay quanh quan điểm cho rằng hoạt động của một số cơ sở GDĐH còn phụ thuộc vào cơ quan quản lý nhà nước khá sôi nổi trên các báo. Bằng chứng là từ năm 2017, một số bài viết đã đề cập ý kiến đề xuất “xóa bỏ cơ chế chủ quản”. Tuy nhiên, cho đến nay, vấn đề này là không dễ thực hiện.

Các tranh luận, phản biện tập trung vào 2 vấn đề chính.

Vấn đề thứ nhất là đề nghị bỏ Bộ chủ quản, xoá bỏ cơ chế chủ quản. Đây là ý kiến của đại biểu Quốc hội, nguyên là cán bộ lãnh đạo ở Trung ương, Vụ Giáo dục đại học, đặc biệt là cán bộ quản lý ở một số trường trực thuộc Bộ chủ quản. Kết quả thống kê cho thấy có 14 ý kiến đồng tình, 07 ý kiến trung lập.

Chứng minh quan điểm này, có hai lập luận đáng lưu ý. *Một là*, điểm mấu chốt của lộ trình xóa bỏ cơ chế chủ quản là nâng cao năng lực, quyền lực thực sự của Hội đồng trường (HĐT) để phù hợp với “thể trạng” của từng cơ sở GDĐH. HĐT chỉ có thể phát huy vai trò của mình khi cơ chế chủ quản được xóa bỏ. *Hai là*, thực tế Bộ, Ngành nào cũng có trường đại học, quá trình thanh tra, kiểm tra phải qua nhiều cơ quan chủ quản.

Kiến nghị “xóa bỏ cơ chế chủ quản” xuất phát từ quan niệm trường đại học công lập thuộc sở hữu công, quyền sở hữu đó được giao cho đại diện của nó là HĐT; do đó, nếu thực hiện đầy đủ cơ chế HĐT, xác định đúng vai trò của HĐT thì không cần đến cơ chế bộ chủ quản và cũng không còn trường trực thuộc nữa.

Bằng cách dẫn chứng câu chuyện lát sàn nhà vẫn phải xin phép Bộ, hoặc so sánh ví von

“chẳng khác gì người dân xây cái chuồng heo cũng phải ra chính quyền xin phép”, một số bài viết cho thấy sự cần thiết phải xem xét cơ chế chủ quản. Chẳng hạn cả 02 bài viết, đó là bài *“Tự chủ đại học kiểu gì mà lát sà nhà vẫn phải xin phép”* (Dân trí, 26/12/2017) và bài *“Tự chủ đại học mà nửa vời thì không được”* (Dân trí, 26/12/2017) đều dẫn lời của Hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật t.p HCM rằng: “Khi có cơ quan chủ quản thì tư duy muốn “quản” vẫn còn. Tự chủ hiện nay của trường đại học là tự chủ nửa vời”.

Đáng chú ý, báo Dân trí, đã mạnh dạn đăng tải ý kiến của ông Trần Đức Viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Ông chỉ ra 8 nguyên nhân² về việc cơ quan chủ quản và trường đại học chưa muốn “buông” nhau khiến cho các cơ sở GDĐH chưa thể dỡ bỏ được “cái áo” cơ chế chủ quản. Đó chính là “cấp trên thường không muốn trao thêm quyền tự chủ cho cấp dưới có thể là vì không muốn giảm quyền hành trực tiếp của mình” (Bài *“Tự chủ đại học: 8 nguyên nhân chưa thể dỡ bỏ ‘cái áo’ cơ chế chủ quản”*, Dân trí, 27/11/2020). Trong đó, một số nguyên nhân được nêu trong bài viết cũng là những luận cứ cho đề xuất “xoá bỏ cơ chế chủ quản” ở nhiều bài viết ở cả 3 tờ báo. Chẳng hạn như: (i) Hai lĩnh vực quyết định quan trọng nhất trong hoạt động, là tài chính và nhân sự chủ chốt của trường ĐH trực thuộc, phần lớn vẫn nằm trong tay bộ chủ quản; (ii) Khái niệm tự chủ đại học đã bị “đánh tráo” do cách hiểu nhầm lẫn tự chủ đại học đồng nghĩa với việc nhà nước cắt chi thường xuyên và giảm kinh phí đầu tư; (iii) Hội đồng trường mặc dù theo quy định của các văn bản pháp luật đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ nhưng hoạt động chỉ mang tính chất hình thức, không có thực quyền; (iv) Phân chia quyền lực không rõ ràng là một trong những nguyên nhân quan trọng. Cấp trên thường không muốn trao thêm quyền tự chủ cho cấp dưới; cấp dưới thường muốn giảm sự lệ thuộc vào cấp trên nên muốn được cấp trên giao thêm quyền tự chủ.

Một số bài viết cũng đặt vấn đề về bản chất mối quan hệ được gọi là “cơ chế chủ quản”, trong đó chủ yếu là phản ánh vướng mắc ở mối quan hệ giữa cơ quan chủ quản và trường đại học trực thuộc. Thông điệp mong muốn được nhận thức đúng là: Cơ quan chủ quản quản lý các trường thông qua HDT chứ không theo kiểu cấp phát kinh phí. Hơn thế, cơ quan chủ quản còn phải tôn trọng các quyết định về mặt chuyên môn của nhà trường vì tự chủ về mặt chuyên môn, học thuật mới là hồn cốt của cơ sở GDĐH.

Bên cạnh những phân tích trên, cách đặt tit báo ở một số bài viết cũng thể hiện quan điểm, thái độ không đồng thuận cơ chế “Bộ chủ quản” rất rõ nét. Chẳng hạn như: *“Tự chủ đại học: Phải xóa bỏ vai trò độc quyền chỉ đạo của cơ quan chủ quản”* (Dân trí, 13/8/2018), *“Hai rào cản của tự chủ*

² <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/tu-chu-dai-hoc-8-nguyen-nhan-chua-the-do-bo-cai-ao-co-che-chu-quan-20201127153854438.htm>.

đại học” (GDTĐO, 15/7/2018), “Việt Nam vẫn chưa có tự chủ đại học đúng nghĩa” (Dân trí, 13/6/2019), “Luật giáo dục đại học sửa đổi: Sẽ quay về kiểu quản lý cũ nếu...” (Dân trí, 23/5/2019), “Sức ì quá lớn khiến trường đại học chưa thoát khỏi cơ quan chủ quản?” (Dân trí, 22/5/2019), “Một cổ ‘3 trường’ thì sao gọi là tự chủ” (Dân trí, 20/5/2019), “Ông chủ của trường đại học – áo chật không che được thân” (TTO, 17/6/2019), “Luật số 34 có hiệu lực: ‘Hết thời’ cơ quan chủ quản can thiệp sâu vào trường đại học” (Dân trí, 30/6/2019), “Hai đối tượng mất đặc quyền, không muốn trường đại học tự chủ” (GDVN, 30/10/2019).

Mục đích của những tit ở dạng câu hỏi hoặc những câu khẳng định như trên là để kích thích tò mò, thường được sử dụng để thuyết phục người đọc chú ý vào những kiến nghị.

Khi lấy ý kiến của các đối tượng chính sách ở giai đoạn trước hay sau thời gian ban bảo lưu ý kiến đề nghị xem xét cơ chế “Bộ chủ quản”.

Vấn đề thứ hai là đề nghị phải có lộ trình xóa bỏ cơ chế chủ quản. Trong khi lãnh đạo của các trường đại học có “Bộ chủ quản” mong muốn xóa bỏ cơ chế chủ quản, thì vài cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Bộ hoặc những nhà hoạch định chính sách lại “dung hòa” bằng việc đề nghị “phải có lộ trình”.

Các báo đưa tin về ý kiến này như sau: việc giao quyền tự chủ, xóa bỏ cơ chế cơ quan chủ quản cũng cần có lộ trình, hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của đất nước, của từng ngành nghề và năng lực của từng CSGD, không nên và không thể xóa bỏ cơ chế cơ quan chủ quản đồng loạt cho tất cả các CSGD.

Lập luận của đề xuất này thể hiện ở hai điểm đáng chú ý. Thứ nhất, ở giai đoạn đầu của quá trình tự chủ đại học, nhà nước (cơ quan chủ quản) đóng vai trò trong việc tạo lập cơ chế cho HĐT hoạt động đúng. Tức là muốn nâng cao vai trò của HĐT, không thể phó mặc cho các trường mà cần có sự chỉ đạo của nhà nước và sự ủng hộ của xã hội. Chỉ khi HĐT hoạt động đủ mạnh thì khi đó mới có thể xóa bỏ cơ chế chủ quản. Thứ hai, nếu áp dụng ngay việc bỏ cơ chế chủ quản trong khi HĐT còn chưa đủ mạnh, sẽ rất dễ bị nhóm lợi ích kiểm soát hoạt động của nhà trường. Do vậy, cần phải có giai đoạn “chuyển tiếp”.

Bên cạnh đó, các báo chuyển tải thông điệp với mong muốn cộng đồng hiểu nhất quán về khái niệm chủ quản. Cụ thể là cách quản lý của Bộ chủ quản thể hiện sự lãnh đạo của cơ quan quản lý đối với các trường, được thực hiện qua vai trò của các đại diện của mình trong HĐT. Bộ chủ quản chỉ làm các việc: (i) Phê chuẩn kết quả bầu chủ tịch HĐT, ủy quyền cho HĐT tổ chức bầu hoặc thi tuyển và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý còn lại, từ Hiệu trưởng trở xuống; tuyển dụng, xác định vị trí việc làm, định biên, chấm dứt hợp đồng, thi đua khen thưởng, kỷ luật, lên lương, hạ lương xây dựng quy chế hoạt động của HĐT; (ii) Xây dựng chính sách hỗ trợ, để các trường phát huy cao nhất quyền làm chủ; (iii) Không can thiệp vào các công

việc và các hoạt động thường ngày của cơ sở GDĐH, thay kiểm soát “đầu vào” bằng giám sát kết quả “đầu ra”.

4.2.3. Thảo luận về mối quan hệ giữa Đảng ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng trường

Theo quy định “Hội đồng trường của trường Đại học công lập là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan” và “Quyết định và trình cơ quan quản lý có thẩm quyền ra quyết định công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng trường đại học; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng trường đại học trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng trường đại học” [15].

Cơ sở GDĐH xác định ba tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo của nhà trường, đó là: Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và cần thiết phải có mối quan hệ và cơ chế phối hợp dựa trên nguyên tắc chung, đó là đảm bảo lợi ích của cộng đồng và vì sự phát triển bền vững của nhà trường. Tuy nhiên thực tiễn mối quan hệ này ở một số trường đang phức tạp bởi vấn đề “quyền lực” và sự phân chia quyền lực. Đây là nội dung nổi bật được phản ánh ở một số bài viết. Nhận định đây là “điểm nghẽn”, hầu hết ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học đều lập luận tập trung vào hai vấn đề cốt lõi.

Thứ nhất, có sự “phân vai” không rõ ràng giữa trách nhiệm, quyền lực của Hiệu trưởng – Hội đồng trường – Cơ quan chủ quản.

Thứ hai, hội đồng trường đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai tự chủ đại học. Tuy nhiên, HĐT ở một số trường đại học không có thực quyền, “chỉ vẽ thêm vào cho có vẻ dân chủ và đổi mới”. Hiệu trưởng không muốn chia sẻ quyền lực với HĐT. Khi có quy định phải thành lập hội đồng trường, hiệu trưởng thường tìm một người cùng “phe cánh” với mình.

Ở một số bài viết, cách đặt tiêu đề và trình bày quan điểm cũng cho thấy “tính vấn đề” và “điểm nghẽn” của mối quan hệ 3 bên này. Chẳng hạn như: “Tự chủ đại học: Hội đồng trường, cơ quan chủ quản và vai trò của tổ chức Đảng” (GDVN, 25/5/2020), “Dù đã có luật nhưng vẫn có người hỏi Hiệu trưởng to hay Hội đồng trường to?” (GDVN, 28/11/2020),... Những bài viết trình bày luận cứ một số hiệu trưởng không muốn mất quyền của mình, không muốn chuyển giao bớt quyền của mình sang bên HĐT, vẫn muốn hiệu trưởng giữ vị trí “to nhất” trong trường. Đáng chú ý có ý kiến cho rằng “Phảng phất đây đó cũng có ý kiến và suy nghĩ rằng nếu hội đồng trường là cơ quan quyền lực cao nhất thì vai trò của Đảng ủy bị giảm sút đi” (Bài “Tự chủ đại học: Hội đồng trường, cơ quan chủ quản và vai trò của tổ chức Đảng”).

Tuy nhiên, một trong những điểm đáng chú ý là, mặc dù mạnh dạn đăng tải ý kiến của các đối tượng tham gia góp ý, nhưng trên các báo chủ yếu vẫn là ý kiến của nhóm những nhà hoạch định chính sách hoặc là các chuyên gia không thuộc Ban Giám hiệu, Hội đồng trường.

5. Kết luận và khuyến nghị

Những phát hiện của nghiên cứu cho thấy có mấy vấn đề đáng lưu ý.

Thứ nhất, các báo góp phần thiết lập chương trình nghị sự chính sách. Việc “thiết lập chương trình nghị sự” nhằm hướng sự chú ý của công chúng đến những vấn đề gây tranh cãi. Nhiều bài viết tập trung vào những “tiêu điểm” thông qua việc tăng tần suất, số lượng tin, bài đăng đối với vấn đề mà cơ quan ban hành chính sách muốn nhận được sự quan tâm của công chúng. Thời điểm đăng tải nhiều nhất là trước và ngay sau khi Luật GDĐH sửa đổi được thông qua hoặc các Nghị định, Thông tư được ban hành, tổng kết quá trình thực hiện chính sách... Đồng thời, các báo làm rõ nội hàm của chính sách tự chủ đại học, giải thích các quy định để đối tượng thực thi chính sách và cộng đồng hiểu, đồng thuận và tích cực triển khai, thực hiện.

Thứ hai, các bài viết phản biện về chính sách tự chủ đại học có sự tham gia của một số nhóm đối tượng liên quan đến quy trình chính sách. Các báo tập hợp lực lượng dù không nhiều người nhưng chuyên gia, nhà khoa học, lãnh đạo các cơ sở GDĐH là những chủ thể quan trọng cho quy trình chính sách. Nhờ vậy, cơ quan ban hành chính sách có thêm cơ sở dữ liệu khoa học và thực tiễn để điều chỉnh chính sách phù hợp.

Thứ ba, khi thông tin về chủ trương chính sách, trên cả 03 tờ báo, hầu như đều gặp vấn đề chung là “thông tin đồng dạng”. Cùng một thông tin, nhận định nhưng các báo đều đăng giống nhau. Một số nhà báo có cách làm là dẫn lời phát biểu của chính trị gia, chuyên gia,... Họ đóng vai trò là người “thông báo”, giải thích chính sách. Tuy nhiên, không có sự đa dạng trong việc trích dẫn ý kiến. Đối tượng phỏng vấn cũng chỉ lặp đi lặp lại ở những chuyên gia, nhân vật quen thuộc. Điều này có thể do sự trùng lặp về nguồn tin.

Thứ tư, mặc dù có tính chất phản biện nhưng chưa thật sự sôi nổi, nặng về thông tin, biện pháp triển khai đổi mới. Nhiều bài viết có đăng ý kiến phản biện nhưng tính chất “lật ngược” hoặc “lật đi lật lại” vấn đề còn hạn chế. Một số ý kiến phản biện có tính chất “ngược chiều” ít xuất hiện, chỉ được đăng ở vài bài viết trên tạp chí GDVN, Dân trí. Báo GDTĐO thường đăng ý kiến có tính chất thông báo, giải thích, phân tích, triển khai chính sách.

Thứ năm, dù tập hợp được nhiều đối tượng tham gia phản biện, nhưng thực tế vẫn chưa có sự đồng đều ý kiến của các chủ thể liên quan đến chính sách, đặc biệt là ý kiến của phụ huynh, sinh viên, nhà tuyển dụng,...

Từ những vấn đề trên, có thể thấy, những định hướng cho quá trình tự chủ đối với các cơ sở GDĐH là rất quan trọng. Do vậy, sự tham gia của báo chí vào quá trình truyền thông chính sách tự chủ đại học là nhiệm vụ cấp thiết. Để góp phần truyền thông hiệu quả, tạo được sự đồng thuận trong xã hội, báo chí cần lưu ý mấy điểm sau đây:

Một là, các báo cần phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước ngay từ khâu “thiết lập

chương trình nghị sự”. Sự phối hợp này là cần thiết để quá trình truyền thông chính sách GDĐH được diễn ra thuận lợi, tránh việc “khủng hoảng chính sách”.

Hai là, các báo phải có nguồn tin chất lượng. Nên có “hệ sinh thái” bao gồm các bên liên quan, trong đó tập hợp cả những người xây dựng chính sách, chuyên gia, nhà báo. Ở “hệ sinh thái” này, nếu có sự phối hợp tốt sẽ góp phần tạo nên hiệu quả truyền thông chính sách. Trong đó, chủ thể rất quan trọng đối với những nhà hoạch định chính sách là các chuyên gia, những cơ quan, tổ chức có liên quan và đặc biệt là người thực thi chính sách, chịu sự tác động của chính sách. Họ cần phải tham gia góp ý kiến với tinh thần phản biện để chính sách hoàn thiện dưới nhiều góc độ, không chồng chéo, mâu thuẫn, trùng lặp với các chính sách khác đã ban hành hoặc đang xây dựng.

Ba là, mặc dù trên các báo có đăng tải ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nhưng để phát huy vai trò diễn đàn báo chí đối với quá trình truyền thông và phản biện chính sách, các báo cần được mở rộng đối tượng phản biện. Báo chí phải trở thành “không gian công” thảo luận trên báo chí cởi mở, tập hợp ý kiến thẳng thắn, mạnh dạn hơn. Đặc biệt, nhà báo cần thu thập nhiều ý kiến, nguyện vọng của giảng viên, người học và những nhóm đối tượng bị tác động bởi chính sách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/ TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2005), *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2006), *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2014), *Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2015), *Nghị định số 73/2015/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng cơ sở giáo dục đại học*, Hà Nội.
6. Chính phủ (2019), *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục*, Hà Nội.

7. Nguyễn Văn Dũng (2017), *Báo chí giám sát, phản biện xã hội ở Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Đinh Thị Thuý Hằng (2020), "Hiểu thêm về lý thuyết "Thiết lập chương trình nghị sự" của truyền thông đại chúng", *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông* (9), tr. 44–47.
9. Lê Ngọc Hùng (2018), "Tự chủ đại học là xu thế phát triển trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục", *Tạp chí Lý luận chính trị* (10), tr. 64–70.
10. Phan Văn Kiên (2012), *Phản biện xã hội của tác phẩm báo chí Việt Nam qua một số sự kiện nổi bật*, NXB Thông tin và Truyền thông.
11. McCombs M.E., D.L. Shaw (1972), "The agenda-setting function of mass media", *Public opinion quarterly* Vol. 36(2), pp. 176–187.
12. Phùng Xuân Nhạ (2017), "Quyết tâm triển khai tự chủ đại học – Một trong các yếu tố quyết định nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản* (901), tr. 37–43.
13. Quốc hội (1998), *Luật Giáo dục số 11/1998/QH10 ngày 02/12/1998*, Hà Nội.
14. Quốc hội (2005), *Luật Giáo dục 2005 số 38/2005/QH11 ngày 14/06/2005*, Hà Nội.
15. Quốc hội (2018), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018*, Hà Nội.
16. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ có đề cập đến vấn đề quyền tự chủ đại học*, Hà Nội.